

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:190/2023/DS-PT
Ngày 16 tháng 8 năm 2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ, Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023; tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:11/2023/DS-ST ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố LX bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2023/QĐXXPT-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông H, sinh năm 1981; cư trú : Số 616A đường VTS, phường MX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có ông N, sinh năm 1987; nơi cư trú: Khóm ĐTA, phường MT, thành phố LX, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền lập ngày 10/10/2022 ; (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà S, sinh năm 1988 ; nơi cư trú: Tổ 08, ấp BH2, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang ; nơi tạm trú: số 165, ấp PH, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người kháng cáo: bà S là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông H, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là ông N trình bày: Được sự giới thiệu của người quen nên ông H có cho bà S vay tiền để

đáo hạn Ngân hàng nhiều lần; thời gian đầu, bà S thanh toán đúng thỏa thuận; đối với 02 lần vay trong tháng 9/2022, bà S không trả nợ như cam kết; cụ thể:

- Ngày 19/9/2022 bà S vay 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, thời hạn vay đến ngày 23/9/2022; ông H đã chuyển khoản vào số tài khoản 686852, Ngân hàng S – Chi nhánh An Giang, chủ tài khoản là bà S.

- Ngày 24/9/2022 bà S vay thêm 315.000.000 (ba trăm mười lăm triệu) đồng; thời hạn vay đến ngày 26/9/2022, ông H giao trực tiếp cho bà S số tiền này.

Bà S cho rằng bà S đã được Ngân hàng B Chi nhánh An Giang phê duyệt cho vay và sẽ giải ngân vào ngày 26/9/2022; bà S cũng cam kết trong các giấy ghi nợ nếu không được giải ngân thì bà S sẽ rút tài sản thế chấp, chuyển nhượng cho ông H để thu hồi nợ.

Sau đó, ông H biết được bà S lừa dối ông H, vì bà S không hề được phía Ngân hàng B phê duyệt và vợ chồng bà S đã thế chấp tài sản vay ở một Ngân hàng khác nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ; ông H nhiều lần gặp bà S tại nơi bà cư trú thuộc tổ 06, ấp BH2, xã MK và nơi bà S kinh doanh số 165, ấp PH, xã Phú Hòa, huyện TS để yêu cầu trả nợ; nhưng bà S không thực hiện. Nay, ông H khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền vay là 615.000.000 (sáu trăm mười lăm triệu) đồng và yêu cầu trả lãi với mức lãi suất là **20%/năm** tính từ ngày 26/9/2022 đến khi vụ án được xét xử xong.

Quá trình cho bà S vay tiền, không thỏa thuận lãi suất cụ thể mà chỉ có thỏa thuận miệng, về trả phí sau khi hoàn trả tiền vốn, mức phí cụ thể thì ông Nhựt không rõ. Hiện nay, ông H đang quản lý bản chính Giấy chứng minh nhân dân mang tên S số 351831486, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/12/2017; ông H tự nguyện trả lại cho bà S bản chính giấy Giấy chứng minh nhân dân tại giai đoạn thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX đã xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 20%/năm.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

Buộc bà S phải có nghĩa vụ trả cho H tổng số tiền là 636.904.000đ (sáu trăm ba mươi sáu triệu chín trăm lẻ bốn nghìn) đồng; trong đó có tiền vốn vay còn nợ là 615.000.000 đồng và tiền lãi là 21.904.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý trả lại cho bị đơn bà S bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 351831486 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/12/2017 mang tên S.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu được chấp nhận và phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Số tiền án phí nguyên đơn phải chịu là 1.095.200 (một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm) đồng. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.396.000 (mười bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000948 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nguyên đơn được nhận lại 13.300.800 (mười ba triệu ba trăm nghìn lẻ tám trăm) đồng.

Bà S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 29.476.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo; tiền án phí và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 01/3/2023, bị đơn bà S kháng cáo cho rằng chỉ mượn ông H có 300.000.000đ, đồng ý chỉ trả tiền; vì ông H nói giấy nợ 300 triệu mất rồi, kêu bà ký lại giấy nợ 315.000.000đ và giúp bà vay Ngân hàng;

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; giai đoạn phúc thẩm bà S cung cấp chứng cứ là bảng sao kê của Ngân hàng, có nội dung chuyển trả cho ông H số tiền 24.000.000đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, qua trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn **cung cấp chứng cứ mới là bảng sao kê của Ngân hàng có trả cho ông H số tiền 24.000.000đ, nên đề nghị xem xét khấu trừ** vào tiền lãi suất cho bị đơn; các phần còn lại giữ y; nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn về việc khấu trừ tiền; các phần khác giữ y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn bà S nộp đơn kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt; Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung;

[3] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà S thì thấy,

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 615.000.000đ cùng với lãi suất theo pháp luật 20%/năm; nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy ghi nhận nợ ngày 19/9/2022, thể hiện bà S có vay của ông H số tiền 300.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 19/9/2022 đến ngày 23/9/2022 (BL 21) và giấy nhận nợ ngày 26/9/2022, thể hiện bà S có vay của ông H số tiền 315.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 24/9/2022 đến ngày 26/9/2022 (BL 20);

[3.2] Suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà S đều vắng mặt không lý do; tại phiên tòa phúc thẩm bà S có mặt và bà S thừa nhận chữ viết, chữ ký tên trong 02 biên nhận nợ nêu trên chính do bà ghi, ký tên, lặn tay (BL 20, 21), đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh (theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự);

[3.3] Đối với lời trình bày của bà S cho rằng thực chất chỉ mượn ông H số tiền 300.000.000 đồng; còn biên nhận 315.000.000 đồng là do ông H nói mất giấy nên yêu cầu bà làm biên nhận ghi nợ lại ngày 26/9/2022, nội dung này không được ông H thừa nhận; nên nghĩa vụ chứng minh là của bà S; bà S không lý giải và chứng minh được cho lời khai của mình, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét;

Quá trình giải quyết ông H có thay đổi lời khai là tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm; là nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu và biên nhận nợ cũng không có thỏa thuận lãi suất, nên cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp;

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S cung cấp chứng cứ là bảng sao kê của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, thể hiện có chuyển trả cho ông H số tiền 24.000.000đ bà S cho rằng đây tiền lãi suất đóng cho ông H;

Xét thấy, chứng cứ này mới phát sinh ở cấp phúc thẩm là tình tiết mới có căn cứ chấp nhận; Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn có khấu trừ vào tiền lãi của bà S đã đóng, cụ thể;

Tiền lãi từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử 03/02/2023: $615.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 4 \text{ tháng} \times 130 \text{ ngày} = 22.102.000 \text{ đồng}$; trừ vào tiền ông H đã nhận $24.000.000\text{đ} - 22.102.000\text{đ} = 1.898.000\text{đ}$;

Ông H còn nhận thừa, tiếp tục trừ tiền nợ gốc, $615.000.000\text{đ} - 1.898.000\text{đ} = 613.102.000\text{đ}$;

Như vậy, bà S có trách nhiệm trả cho ông H số tiền nợ gốc là 613.102.000đ; đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà S không phải chịu theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà S.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số:11/2023/DSST ngày 03/02/2023 của Tòa án nhân dân thành phố LX; đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà S phải có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền là 613.102.000 đồng (sáu trăm mười ba triệu, một trăm lẻ hai nghìn đồng)

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đồng ý trả lại cho bị đơn bản chính Giấy chứng minh nhân dân số 351831486 do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/12/2017 mang tên S.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu 28.524.000đ (hai mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bốn nghìn đồng);

Ông H phải chịu án phí số tiền là 1.095.200 (một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.396.000 (mười bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000948 ngày 24/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, nguyên đơn được nhận lại 13.300.800 (mười ba triệu ba trăm nghìn lẻ tám trăm) đồng

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà S không phải chịu, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001384 ngày 01/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đương sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn